

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU GIAI ĐOẠN 2001 - 2015

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chủ nhiệm đề tài: CN. Phạm Ngọc Vũ

Thời gian thực hiện: Từ tháng 8/2012 đến tháng 7/2014

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2000, Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ra đời đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình xây dựng pháp luật về KH&CN ở Việt Nam. Hơn 10 năm triển khai Luật KH&CN, thực hiện những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KH&CN, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NCKH&PTCN) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (BR-VT) liên tục được đổi mới, nhận thức của các cấp, các ngành đối với KH&CN có chuyển biến rõ rệt, phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ bao cấp, “xin - cho” sang một cơ chế mới “tuyển chọn” minh bạch, công khai, dân chủ do vậy đã tạo được không khí đổi mới và môi trường cạnh tranh lành mạnh đối với các chủ thể tham gia hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, kết quả NCKH&PTCN đã đạt được nhiều thành tích quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh.

Bên cạnh những thành tựu trên, hoạt động NCKH&PTCN vẫn còn có nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Nhằm khảo sát, điều tra đánh giá một cách cụ thể các hoạt động NCKH&PTCN hơn 10 năm qua, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất và đời sống, góp phần là động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương. Bên cạnh những thành tựu trên, công tác NCKH&PTCN vẫn còn có nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Nhằm nghiên cứu khảo sát, điều tra đánh giá một cách cụ thể các hoạt động NCKH&PTCN hơn 10 năm qua, tìm những khó khăn vướng mắc trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất và đời sống, góp phần là động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương. Sở Khoa học và Công nghệ đã đề xuất và được UBND tỉnh phê duyệt giao cho thực hiện đề tài “*Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*”.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu, phạm vi của đề tài

- Điều tra khảo sát toàn bộ 151 đề tài, dự án NCKH&PTCN cấp tỉnh triển khai thực hiện giai đoạn 2001-2012 và bổ sung 29 đề tài, dự án triển khai giai đoạn 2013-2015 trên các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Khoa học nông nghiệp, Khoa học y, dược, Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn.

- Đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu 143/180 đề tài, dự án NCKH&PTCN của tỉnh triển khai giai đoạn 2001-2015 đã được nghiệm thu tính đến tháng 12/2015, áp dụng vào thực tiễn.

- Đề xuất các giải pháp nhằm góp phần đưa kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án NCKH&PTCN của tỉnh áp dụng thực tế vào sản xuất và đời sống.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Khảo sát điều tra bằng bộ phiếu với nhiều chỉ tiêu theo các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Khoa học nông nghiệp, Khoa học y- dược, Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn.

- Phỏng vấn, kết hợp phương pháp chuyên gia

- Nghiên cứu tài liệu

- Thống kê, xử lý số liệu bằng phần mềm máy tính được nhóm nghiên cứu thiết kế, xây dựng nhằm ứng dụng trong công tác quản lý tài chính và quản lý khoa học và công nghệ.

- Tổ chức hội thảo.

Tuy nhiên, bộ phiếu khảo sát chỉ phù hợp cho các đề tài có sản phẩm cụ thể, các đề tài về điều tra cơ bản các điều kiện tự nhiên và môi trường, khoa học xã hội, nhân văn,... chỉ có thể đánh giá một cách định tính (xã hội) không thể định lượng nhất là hiệu quả về kinh tế.

Phương pháp đánh giá ở đây là phương pháp kết hợp giữa điều tra một số chỉ tiêu và sử dụng chuyên gia của chính ngành được điều tra hoặc các chuyên gia, nghiên cứu viên tham gia thực hiện đề tài hoặc bằng cách làm việc với lãnh đạo ngành, đơn vị đã thực hiện việc ứng dụng các kết quả đề tài.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, KHẢO SÁT

1. Số lượng đề tài, dự án được khảo sát

Để đánh giá hiện trạng, cuộc điều tra khảo sát đã được nhóm nghiên cứu thực hiện trong hơn 1 năm, bắt đầu từ năm 2012, với toàn bộ 151 đề tài, dự án NCKH&PTCN cấp tỉnh đã triển khai thực hiện giai đoạn 2001-2012 và tiếp tục khảo sát bổ sung trong năm 2015 với 29 đề tài, dự án triển khai giai đoạn 2013-2015 trên các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Khoa học nông nghiệp, Khoa học y, dược, Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn, theo cách tiếp cận đã nêu tại phần trước, với 179 phiếu/150 đề tài được thu thập thông tin trực tiếp từ các chủ nhiệm đề tài, thủ trưởng đơn vị chủ trì, đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu, đồng thời bổ sung qua nghiên cứu tài liệu từ các công trình nghiên cứu, phỏng vấn, lấy ý kiến chuyên gia và 30 đề tài chủ yếu nghiên cứu tài liệu từ các công trình nghiên cứu, đặc san KH&CN, kỷ yếu các đề tài, dự án, cơ sở dữ liệu thư viện KH&CN,... Số liệu khảo sát, phỏng vấn đã được thu thập với các chỉ tiêu theo cơ sở lý thuyết đã nêu trên, được thiết kế trên phiếu khảo sát cho các lĩnh vực KH&CN và nhập vào phần mềm quản lý đề tài, dự án phục vụ cho công tác thống kê, phân tích, đánh giá của đề tài và phục vụ công tác quản lý KH&CN của tỉnh.

2. Số lượng đề tài, dự án triển khai hàng năm

Trong giai đoạn 2001-2015, tỉnh BR-VT đã triển khai thực hiện 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp Quốc gia và 179 đề tài, dự án NCKH&PTCN (đề tài, dự án) cấp tỉnh, trong đó có 04 dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi do Trung ương quản lý cấp kinh phí. Bình quân mỗi năm thực hiện 12 đề tài, dự án, cao nhất là năm 2004 với 24 đề tài, dự án, thấp nhất là năm 2007, 2009 và 2013 là 07 đề tài, dự án.

Theo kết quả tại *Bảng 1* cho thấy hàng năm tại địa phương tỷ lệ các dự án triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được thực hiện chiếm tỷ lệ khá thấp, trung bình chỉ chiếm 22,78%, duy nhất, có 01 năm chiếm tỷ lệ trên 50% và cũng là tỷ lệ cao nhất với 71,43% (năm 2013), có nhiều năm không triển khai dự án nào (năm 2003, 2007, 2008), năm thực hiện nhiều đề tài, dự án nhất là năm 2004, số lượng dự án triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm cũng chỉ chiếm 12,5%, trong khi đó, theo

cơ sở lý thuyết thì “Hình thức này có vị trí rất quan trọng đối với sự phát triển của sản xuất và cải thiện đời sống, đóng góp vào sự đổi mới về chất trong các lĩnh vực, thể hiện rõ rệt hiệu quả thiết thực của các hoạt động KHCN với phát triển kinh tế - xã hội” và về mối quan hệ giữa các loại hình nghiên cứu, thì việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được xuất phát từ nghiên cứu cơ bản qua quá trình nghiên cứu ứng dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, trong suốt thời gian qua nhiều đề tài triển khai tại địa phương đã tồn tại cả bốn loại hình nghiên cứu, hoặc tồn tại hai hoặc ba trong bốn loại hình nghiên cứu trên và đã đưa kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tế đời sống, xã hội. Cụ thể, sẽ được phân tích trong phần tiếp theo.

Về lĩnh vực nghiên cứu, trong 180 đề tài, dự án NCKH&PTCN cấp tỉnh đã triển khai thực hiện giai đoạn 2001-2015 thuộc các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Khoa học nông nghiệp, Khoa học y, dược, Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn, có 139 đề tài thuộc loại hình nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, 41 dự án triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được các sở, ban ngành và các đơn vị của Tỉnh phối hợp với các Viện, Trung tâm nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức KH&CN khác tổ chức và triển khai nghiên cứu, ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

Theo kết quả phân tích, các đề tài, dự án được tổ chức triển khai thực hiện giai đoạn 2001-2015, được phân theo loại hình nghiên cứu một cách tương đối, nhiều đề tài tồn tại cả ba loại hình nghiên cứu, hoặc hai loại hình nghiên cứu, ở đây theo cơ sở lý thuyết, chúng tôi phân loại hình nghiên cứu theo tính chất của sản phẩm nghiên cứu, như nghiên cứu cơ bản là những nghiên cứu về bản chất sự vật để nâng cao nhận thức, các hoạt động nghiên cứu về quy luật tổng thể của một hệ thống sự vật; hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và các điều kiện thiên nhiên như địa chất, nghiên cứu đại dương, khí quyển, khí

Bảng 1: Tổng hợp số lượng đề tài, dự án cấp tỉnh thực hiện hàng năm

TT	Năm	Số lượng đề tài, dự án				
		Tổng số	Đề tài	Tỷ lệ (%)	Dự án	Tỷ lệ (%)
Tổng số		180	139	77,22	41	22,78
1	2001	14	10	71,43	4	28,57
2	2002	15	11	73,33	4	26,67
3	2003	12	12	100,00		0,00
4	2004	24	21	87,50	3	12,50
5	2005	19	11	57,89	8	42,11
6	2006	13	9	69,23	4	30,77
7	2007	7	7	100,00		0,00
8	2008	9	9	100,00		0,00
9	2009	7	5	71,43	2	28,57
10	2010	8	6	75,00	2	25,00
11	2011	9	6	66,67	3	33,33
12	2012	14	13	92,86	1	7,14
13	2013	7	2	28,57	5	71,43
14	2014	14	11	78,57	3	21,43
15	2015	8	6	75,00	2	25,00

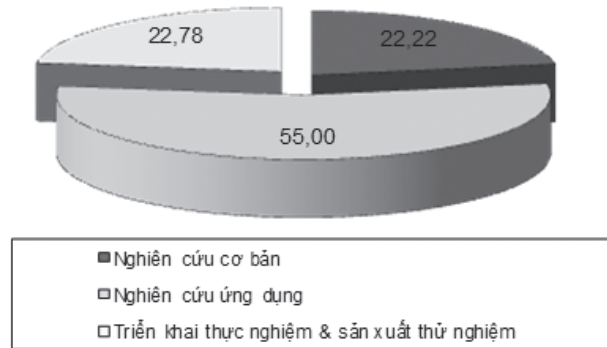
tượng; điều tra cơ bản về kinh tế, xã hội,... với sự phân loại trên, cho thấy:

- Nghiên cứu cơ bản có 40 đề tài, chiếm 22,22%.
- Nghiên cứu ứng dụng có 99 đề tài, chiếm tỷ lệ cao nhất là 55,00 %
- Triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm có 41 dự án, chiếm 22,78%.

Tương tự, theo kết quả nghiên cứu, các đề tài, dự án phân theo lĩnh vực nghiên cứu là:

- Lĩnh vực Khoa học tự nhiên có 32 đề tài, dự án, chiếm 17,18%
- Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ có 29 đề tài, dự án, chiếm 16,11%
- Lĩnh vực Khoa học nông nghiệp có 64 đề tài, dự án, chiếm tỷ lệ cao nhất là 35,56%
- Lĩnh vực Khoa học y, dược có 18 đề tài, chiếm 8,89%
- Lĩnh vực Khoa học xã hội có 33 đề tài, chiếm 18,33%
- Lĩnh vực Khoa học nhân văn có 6 đề tài, chiếm tỷ lệ thấp nhất là 3,33%

Kết quả trên *Biểu đồ 1* cho thấy, số lượng đề tài, dự án thuộc loại hình nghiên cứu ứng dụng chiếm tỷ lệ cao nhất, với 55,00%; theo lĩnh vực nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất, với 35,56%, trong đó các dự án triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm của ngành nông nghiệp chiếm 60,9% số dự án triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được thực hiện (25/41 dự án), có được kết quả này thể hiện sự quan tâm của UBND Tỉnh cũng như ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong thời gian qua.



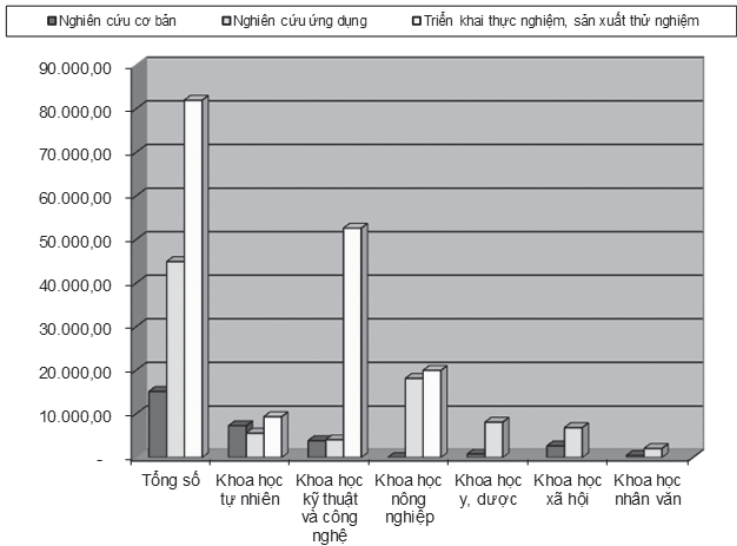
Biểu đồ 1: Số lượng đề tài, dự án theo loại hình nghiên cứu

Về kinh phí đầu tư cho các đề tài, dự án NCKH&PTCN đạt 142.148,87/300.693 triệu đồng kinh phí sự nghiệp KH&CN, chiếm tỷ lệ 47,27%. Trong đó, kinh phí đầu tư cho loại hình nghiên cứu cơ bản đạt 15.178,48 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 10,68%; nghiên cứu ứng dụng đạt 44.965,02 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 31,63%; triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm đạt 82.005,37 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 57,69% tổng kinh phí thực hiện đề tài, dự án (*Biểu đồ 2*).

Kết quả tại *Biểu đồ 2* cho thấy số lượng dự án triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm có 41 dự án, chiếm tỷ lệ thấp nhất trong tổng số đề tài, dự án thực hiện giai đoạn 2001-2015 là 22,78%. Tuy nhiên, về mặt giá trị, các dự án triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm chiếm hơn một nửa kinh phí đầu tư cho các đề tài, dự án NCKH&PTCN cả giai đoạn 2001-2015, với tỷ lệ cao nhất trong các loại hình nghiên cứu là 57,69% giá trị đạt 82.005,37 triệu đồng, và việc đầu tư này tập trung vào các dự án thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, lĩnh vực khoa học tự nhiên và lĩnh vực khoa học nông nghiệp (*Biểu đồ 2*). Với kết quả đầu tư trên cho thấy ngành KH&CN của tỉnh thời gian qua đã có nhiều đổi mới, đã chú trọng và mạnh dạn đầu tư hơn vào các dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN, áp dụng có hiệu quả vào thực tế đời sống xã hội.

Về kết quả nghiệm thu tính đến tháng 12.2015 là 143 đề tài, dự án, với tổng kinh

phí đầu tư là 105.251,69 triệu đồng. Trong đó Hội đồng KH&CN tỉnh tổ chức nghiệm thu có 100% đề tài, dự án đạt Trung bình trở lên, với 19 đề tài, dự án đạt loại xuất sắc, chiếm 13,39%, 108 đề tài, dự án đạt loại khá, chiếm 75,52% còn lại 16 đề tài, dự án đạt loại trung bình, chiếm 11,19% tổng số đề tài, dự án đã được nghiệm thu. Theo loại hình nghiên cứu, loại hình nghiên cứu ứng dụng có số lượng đề tài đạt loại xuất sắc chiếm tỷ lệ cao nhất là 15,79% với 12/76 đề tài, tiếp đến là triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm chiếm tỷ lệ 14,81% với 4/27 dự án, còn lại là nghiên cứu cơ bản chiếm 5,00% với 2/40 đề tài.



Biểu đồ 2: Kinh phí thực hiện đề tài, dự án được phân theo loại hình và lĩnh vực nghiên cứu giai đoạn 2001-2015

Theo lĩnh vực nghiên cứu, lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ có số đề tài, dự án đạt loại xuất sắc chiếm tỷ lệ cao nhất là 26,92% với 7/26 đề tài, dự án, tiếp theo là lĩnh vực y dược 14,29% với 2/14 đề tài, khoa học nông nghiệp 12,5% với 5/40 đề tài, dự án, khoa học tự nhiên 9,68% với 3/31 đề tài, dự án còn lại là khoa học xã hội có 1/29 đề tài. Riêng lĩnh vực khoa học nhân văn, giai đoạn này chỉ triển khai có 04 đề tài và đã nghiệm thu 03 đề tài, trong đó 01 đề tài đạt loại khá, 02 đạt loại trung bình, không có đề tài nào đạt loại xuất sắc. Còn lại 30 đề tài, dự án chưa đến hạn nghiệm thu, chủ yếu là các đề tài, dự án bắt đầu triển khai từ năm 2013, với kinh phí là 35.280,91 triệu đồng; 05 dự án không có kết quả nghiệm thu và 02 đề tài, dự án thanh lý trước thời hạn, với kinh phí là 1.616,27 triệu đồng.

Xét về số lượng đề tài, dự án đã đến hạn nghiệm thu (Bắt đầu triển khai trong giai đoạn 2001-2012), cho thấy:

- Số đề tài, dự án đã nghiệm thu đạt tỷ lệ 94,04% tổng số đề tài, dự án đã triển khai cả giai đoạn đến hạn nghiệm thu, phân theo loại hình nghiên cứu cho kết quả như sau:

- + Nghiên cứu cơ bản có 40/40 đề tài, đạt tỷ lệ 100%
- + Nghiên cứu ứng dụng có 76/79 đề tài, đạt tỷ lệ 96,2%
- + Triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm có 27/32 dự án, đạt 81,25%

Qua số liệu trên cho thấy loại hình nghiên cứu cơ bản có số lượng đề tài được nghiệm thu đạt cao nhất với tỷ lệ 100% và thấp nhất là triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm. Tuy nhiên, nếu loại trừ 05 dự án không có kết quả nghiệm thu và 01 dự án thanh lý trước thời hạn, thì loại hình triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm đã được nghiệm thu đạt 100%.

Theo lĩnh vực nghiên cứu đã được thống kê, cho kết quả như sau:

- + Khoa học tự nhiên có 31/31 đề tài, dự án đã nghiệm thu, đạt 100%
- + Khoa học kỹ thuật và công nghệ có 26/26 đề tài, dự án, đạt 100%
- + Khoa học nông nghiệp có 39/47 đề tài, dự án, đạt 82,98%

+ Khoa học y, dược có 14/14 đề tài, đạt 100%

+ Khoa học xã hội có 29/29 đề tài, đạt 100

+ Khoa học nhân văn có 3/4 đề tài, đạt 75%.

- Số đề tài chưa nghiệm thu chiếm tỷ lệ 1,32% là 02 đề tài (lĩnh vực Khoa học nông nghiệp 01 đề tài và Khoa học nhân văn 01 đề tài).

- Số đề tài, dự án không có kết quả nghiệm thu chiếm tỷ lệ 4,64%, gồm 01 đề tài và 06 dự án, với kinh phí 1.616,27 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,57%, tuy nhiên kinh phí 07 đề tài, dự án này không sử dụng trả lại ngân sách nhà nước là 853,27 triệu đồng. Nếu so sánh số kinh phí các đề tài dự án này đã sử dụng 763 triệu đồng so với 102.801,27 triệu đồng đã đầu tư cho các đề tài dự án cả giai đoạn thì chiếm tỷ lệ là 0,74%. Nguyên nhân các đề tài, dự án này nghiên cứu, triển khai không thành công sẽ được phân tích, đánh giá trong phần tiếp theo về kết quả thực hiện và hiệu quả ứng dụng trên từng lĩnh vực.

Về trình độ chuyên môn của chủ nhiệm đề tài, với 143 đề tài, dự án đã được Hội đồng KH&CN tỉnh nghiệm thu, các chủ nhiệm đề tài dự án đều có trình độ đại học trở lên. Trong đó có 56 tiến sỹ, bác sỹ CKII chiếm tỷ lệ 39,16% số lượng chủ nhiệm đề tài, dự án, 27 thạc sỹ và bác sỹ CKI, chiếm tỷ lệ 18,88%, còn lại là trình độ đại học 60 người chiếm tỷ lệ 41,96%. Số lượng tiến sỹ làm chủ nhiệm đề tài tập trung trong loại hình nghiên cứu cơ bản 25/40 người chiếm 62,50% và nghiên cứu ứng dụng 24/76 người, chiếm 31,58%. Số lượng đề tài, dự án được Hội đồng KH&CN nghiệm thu cấp tỉnh xếp loại đạt xuất sắc phần lớn do chủ nhiệm có trình độ tiến sỹ đảm nhận, với 11/19 đề tài, dự án chiếm 58% (lĩnh vực nghiên cứu cơ bản có 01/02 đề tài đạt xuất sắc do tiến sỹ đảm nhận, nghiên cứu ứng dụng có 8/12 đề tài, sản xuất thử nghiệm có 2/5 dự án). Số lượng tiến sỹ ở đây chủ yếu công tác ở các Viện, Phân viện, Trung tâm nghiên cứu, các trường Đại học ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, như: ĐH Bách khoa, ĐH Văn Lang, ĐH Giao thông-Vận tải, Phân viện Vật lý TP. HCM, Trung tâm Nghiên cứu phát triển an toàn và Môi trường dầu khí, Trung tâm Địa chất khoáng sản biển, Viện vật lý địa cầu, Viện Khoa học và kỹ thuật Hạt nhân, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra nước Miền Nam, Viện KHCN và quản lý môi trường, Viện Kỹ thuật Biển thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam,... một số ít ở các cơ quan nhà nước trong tỉnh và Trung tâm nghiên cứu trên địa bàn tỉnh. Hầu hết nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên và lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ đều do các chủ nhiệm đề tài ngoài tỉnh thực hiện, chủ nhiệm đề tài trong tỉnh chủ yếu tập trung cho triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm và nghiên cứu ứng dụng.

IV. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua khảo sát, nghiên cứu với toàn bộ 180 đề tài, dự án NCKH&PTCN cấp tỉnh đã triển khai thực hiện giai đoạn 2001 - 2015 trên các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Khoa học nông nghiệp, Khoa học y, dược, Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn, cho thấy các kết quả nghiên cứu, ứng dụng đã đóng góp thiết thực vào sự phát triển KT-XH của tỉnh thể hiện trên các lĩnh vực:

- Kết quả nghiên cứu lĩnh vực khoa học tự nhiên đã cung cấp số liệu điều tra cơ bản, các luận cứ khoa học cho đơn vị tư vấn, các cơ quan quản lý nhà nước trong việc lập dự án; tư vấn, phản biện và giám định các dự án đầu tư chính trị xói lở, cơ sở hạ tầng du lịch ven biển; các đề tài về môi trường, bức xạ hạt nhân đã giúp xây dựng được kế hoạch phòng

và ứng cứu sự cố tràn dầu, sự cố về nguồn phóng xạ; quy hoạch, kế hoạch và các giải pháp thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải. Hệ thống các đề tài nghiên cứu về nước dưới đất khu vực Bà Rịa - Tân Thành - Long Điền... đã cảnh báo vấn đề dịch chuyển biên mặn và cung cấp hệ thống dữ liệu hiện trạng môi trường và các giải pháp khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển bền vững, bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học. Đồng thời cung cấp cơ sở dữ liệu thực hiện “đánh giá tác động môi trường” cho các dự án trong tỉnh và cơ sở khoa học cho việc giải quyết các khiếu kiện môi trường, đòi bồi thường thiệt hại sự cố tràn dầu ngày 07/9/2001 tại Vịnh Gành Rái, TP Vũng Tàu. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu Sở KH&CN đã tổng hợp, biên soạn và tham mưu cho UBND tỉnh ban hành ban hành Quy hoạch xử lý chất thải BVMT tỉnh BR-VT giai đoạn 2003-2005 và định hướng đến 2010 (2894/QĐ.UB, 11/4/2003), Chỉ thị cấm khai thác cát phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, đặc biệt chú ý khu vực Lộc An và cửa Lấp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nghiên cứu lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ luôn gắn liền với thực tiễn sản xuất và đời sống; yêu cầu cao đối với thử nghiệm và ứng dụng. Đã xây dựng được nhiều mô hình ứng dụng KH&CN có hiệu quả áp dụng vào thực tế đời sống xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh như triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân khẩu tại Công an tỉnh BR-VT; triển khai thí điểm chống xói lở bờ biển bằng công nghệ mềm Stabiplate tại Lộc An, huyện Đất Đỏ; triển khai nhân rộng mô hình chống sét tại huyện Xuyên Mộc, Đất Đỏ; nâng cấp và phát triển hệ thống điện mặt trời tại Côn Đảo,... đến nay những mô hình này vẫn đang phát huy tác dụng.

- Các tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn từ kết quả nghiên cứu hoàn thành của các đề tài nghiên cứu khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm đã được các Viện nghiên cứu, Trường đại học cùng ngành nông nghiệp và bà con nông dân đưa vào ứng dụng trong sản xuất đạt hiệu quả mang lại năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đã góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho nông dân của tỉnh trong thời gian qua, góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn đã có những bước tiến đáng kể so với thời gian trước, với các nghiên cứu về văn hoá xã hội đã cung cấp những luận cứ khoa học tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND và các ngành trong việc ra các quyết định, chủ trương chính sách chỉ đạo việc tổ chức phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào công tác quản lý, giúp cho các sở, ban ngành liên quan trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa người dân tộc, giáo dục truyền thống; xây dựng quy hoạch, kế hoạch và chương trình đào tạo bồi dưỡng CBCC phù hợp, hiệu quả; đồng thời góp phần thực hiện tốt chương trình cải cách các thủ tục hành chính trong các cơ quan hành chính Nhà nước.

- Lĩnh vực khoa học y - dược đã quan tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân với việc triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu lĩnh vực này đều do các bác sỹ của ngành y tế trực tiếp làm chủ nhiệm đề tài và ứng dụng trong lĩnh vực công tác của mình, góp phần nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh cho nhân dân, giải quyết được nhiều vấn đề bức xúc đặt ra trong công tác dự phòng, chẩn đoán và điều trị, chăm sóc sức khỏe bệnh nhân.

Từ kết quả nghiên cứu và ứng dụng trong giai đoạn qua, đã rút ra được những ưu

điểm và hạn chế trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và trong công tác quản lý và đề tài đã đề xuất hai nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH&PTCN, hiệu quả ứng dụng kết quả NCKH&PTCN vào thực tiễn và đời sống, đồng thời thiết kế và xây dựng được hệ thống thông tin quản lý dữ liệu đề tài, dự án, từ khâu xác định nhiệm vụ đến chuyển giao, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống, đã cập nhật đầy đủ dữ liệu từ năm 2001-2012 và bổ sung đến 2015, phục vụ tốt cho công tác quản lý KH&CN tại địa phương, cũng như cung cấp cơ sở dữ liệu về đề tài, dự án cho các ngành có liên quan.

Công tác tuyên truyền, phổ biến KH&CN nói chung và những tiến bộ KH&CN nói riêng đến các đối tượng trên địa bàn tỉnh luôn được Sở KH&CN quan tâm triển khai, qua các hình thức công bố kết quả nghiên cứu trên ấn phẩm thông tin, Website, xuất bản kỷ yếu, tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, báo cáo chuyên đề, xây dựng mô hình trình diễn, tổ chức tập huấn phục vụ mọi tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh.

Các kết quả đề tài, dự án là cơ sở khoa học cho đơn vị tư vấn, các cơ quan quản lý nhà nước trong việc lập dự án, tư vấn, phản biện và giám định các dự án đầu tư; đã có hàng trăm lượt tham khảo các kết quả nghiên cứu được lưu trữ tại thư viện KH&CN phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, làm luận văn, đồ án tốt nghiệp của các nhà khoa học, nhà quản lý và sinh viên trong và ngoài tỉnh.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ

- Ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chí đánh giá định lượng cụ thể hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn và đời sống.

- Phối hợp Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi thông tư liên tịch 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN về Hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập theo hướng đơn giản thủ tục hành chính, như biên bản xét duyệt nội dung, biên bản xét duyệt kinh phí, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng chỉ áp dụng đối với những nhiệm vụ KH&CN còn lại các nhiệm vụ thường xuyên khác như hội thảo, tập huấn, mua sắm,... thực hiện giao dự toán và quyết toán hàng năm theo luật ngân sách nhà nước.

2.2. Đối với UBND tỉnh

- Ưu tiên tăng cường đầu tư tiềm lực KH&CN cho các tổ chức hoạt động KH&CN của tỉnh. Ban hành văn bản giao cho Sở KH&CN chủ trì phối hợp với các tổ chức hoạt động KH&CN của tỉnh, đề xuất các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực KH&CN.

- Ban hành chỉ thị về đẩy mạnh ứng dụng kết quả nghiên cứu và tăng cường công tác cung cấp thông tin ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại địa phương theo thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN.

- Ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN của ngành mình và hàng năm phải có đánh giá như một nhiệm vụ thường xuyên của ngành mình.

2.3. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ

Sớm trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quản lý KH&CN trên cơ sở các thông tư và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH&CN (sửa đổi) năm 2013 và xem xét triển khai các giải pháp do nhóm nghiên cứu đề xuất.